TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/DS-PT
Ngày: 20/8/2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Đặng Ngọc Bình

Ông Nguyễn Văn Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2020/TLPT-DS ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2020/QĐ-PT ngày 10 ngày 8 tháng 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở: Lầu M, số N, đường NK, Phường M, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Nguyên Anh K - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch QT (*theo văn bản ủy quyền số 4065/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018 và Văn bản ủy quyền 3998/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019*).

2. *Bị đơn:* Ông Phùng Trung H, sinh năm 1968; địa chỉ: Số R thôn PC, xã TH, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Phùng Thị Thanh K, sinh năm 2000; Địa chỉ: Số R thôn PC, xã TH, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Vợ chồng anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1987, chị Võ Thị Hồng P, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Số L thôn PC, xã TH, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

3.3. Bà Phùng Thị Phương C, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số L thôn PC, xã TH, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

4. Người kháng cáo: Ông Phùng Trung H – bị đơn

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa. Riêng anh Nguyễn Ngọc Q, chị Võ Thị Hồng P, bà Phùng Thị Phương C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ghi ngày 23/9/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là S), lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của ông Hà Nguyên Anh K, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, Chi nhánh LĐ, Phòng giao dịch QT cho ông Phùng Trung H vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số LD 1626000233 ngày 16/9/2016 theo đó ông H vay số tiền 1.100.000.000đ, mục đích vay để sản xuất kinh doanh, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 10%/năm, cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Ông H đã ký giấy nhận nợ và được giải ngân số tiền nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng các bên thỏa thuận sửa đổi bổ sung các Hợp đồng tín dụng số LD 1725600125 ngày 13/9/2017 và số LD 1825300186 ngày 10/9/2018, kéo dài thời hạn vay số tiền trên. Để đảm bảo cho khoản vay, Ngân hàng và ông Phùng Trung H, chị Phùng Thị Thanh K đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 222-3360/TC ngày 16/9/2016, tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tọa lạc thửa đất số 820, tờ bản đồ 48 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201130515 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cấp ngày 14/11/2002 cho ông bà Phùng Trung H, Huỳnh Thị H, ngày 30/5/2016 điều chỉnh trang 4 sang tên ông H, chị K.

Đến hạn trả nợ, ông Phùng Trung H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và gốc theo hợp đồng tín dụng và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ sang nợ quá hạn. Từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng ông H không có thiện chí trả nợ và thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết với Ngân hàng, đồng thời ông H và chị K không đồng ý giao tài sản để Ngân hàng xử lý và thu hồi nợ theo quy định.

Khi làm hồ sơ vay vốn, ông H đã kê khai mục đích vay vốn là bổ sung vốn sản xuất kinh doanh thu mua cà phê các loại nhưng thực tế ông H kinh doanh cà

phê buôn chuyến nên không cần phải có giấy phép kinh doanh, Ngân hàng vẫn giải ngân cho ông H vay theo quy định.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ là 1.198.790.423đ, trong đó tiền nợ gốc là 1.100.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 15/01/2020 là 98.790.423đ (gồm lãi trong hạn là 38.234.728đ và lãi quá hạn là 60.555.695đ), đồng thời yêu cầu tiếp tục chịu lãi phát sinh và duy trì biện pháp thế chấp tài sản để bảo đảm cho việc thi hành án.

2. Theo lời trình bày của ông Phùng Trung H thì: Ngày 13/9/2016 chị Võ Thị Hồng P là cháu gái ông có đến nhà ông đặt vấn đề hỏi mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đang ở để thế chấp cho Ngân hàng S vay số tiền 1.100.000.000đ nên ông đã đồng ý. Ngày 16/9/2016 ông cùng con gái là Phùng Thị Thanh K (người cùng đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) lên Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, Chi nhánh LĐ, Phòng giao dịch QT làm thủ tục thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4201130515 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cấp ngày 14/11/2002, được điều chỉnh ngày 30/5/2016 đứng tên ông và chị K để vay số tiền 1.100.000.000đ. Sau khi được Ngân hàng giải ngân ông đã đưa toàn bộ số tiền vay trên cho chị P và chị P nói sẽ trả tiền lãi cho ông nhưng ông không nhận nên chị P nói mỗi tháng sẽ gửi 10.000.000đ để ông lo việc gia đình và lo cho con ăn học. Từ tháng 9/2016 đến tháng 12/2016 mỗi tháng chị P đưa cho ông 10.000.000đ. Sau này chị P không đưa, ông cũng không hỏi vì nghĩ tạo điều kiện cho con cháu làm ăn nên không tính toán; trong hồ sơ vay vốn, thể hiện mục đích vay vốn là bổ sung vốn sản xuất kinh doanh và ngành nghề kinh doanh là thu mua cà phê các loại, nhưng thực tế ông không có giấy phép kinh doanh và cũng không kinh doanh mặt hàng gì. Khi làm hồ sơ vay vốn chị P là người đứng ra làm hồ sơ thay ông và đã kê khai nội dung trên.

Nay Ngân hàng khởi kiện buộc ông phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ là 1.198.790.423đ, trong đó tiền nợ gốc là 1.100.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 15/01/2020 là 98.790.423đ (gồm lãi trong hạn là 38.234.728đ và lãi quá hạn là 60.555.695đ), đồng thời yêu cầu tiếp tục chịu lãi phát sinh và duy trì biện pháp thế chấp tài sản để bảo đảm cho việc thi hành án thì ông không đồng ý và cho rằng khoản tiền vay ở ngân hàng chị P là người sử dụng nên cần buộc chị P có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Phùng Thị Thanh K thừa nhận chị và ông H có ký vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 222-3360/TC để ông H đứng

ra vay số tiền 1.100.000.000đ của Ngân hàng S giùm chị P. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền nợ gốc và nợ lãi nói trên thì chị không đồng ý, chị yêu cầu chị P phải có nghĩa vụ trả số nợ này cho Ngân hàng, chị đồng ý tiếp tục duy trì tài sản thế chấp cho đến khi trả nợ xong.

3.2. Chị Võ Thị Hồng P trình bày: Năm 2016 chị có vay của ông Phùng Trung H số tiền khoảng 1.600.000.000đ và đã trả cho ông H được một ít còn nợ lại 1.356.000.000đ đến ngày 20/10/2018 ông H yêu cầu vợ chồng chị viết giấy cam kết thỏa thuận trả nợ số tiền trên, trong số tiền nợ 1.356.000.000đ ông H cho rằng có 1.100.000.000đ vay của Ngân hàng S nên yêu cầu chị phải thể hiện trong giấy cam kết thỏa thuận trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu ông H phải trả số tiền nợ gốc là 1.100.000.000đ, tiền lãi thì chị xác định vợ chồng chị không có liên quan đến khoản vay giữa Ngân hàng và ông H, trong thực tế ông H đang khởi kiện chị bằng một vụ án dân sự khác tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bằng giấy cam kết thỏa thuận trả nợ ngày 20/10/2018.

3.3. Anh Nguyễn Ngọc Q trình bày: Việc ông H cho vợ anh là chị P vay tiền anh không biết và không liên quan. Nay Ngân hàng khởi kiện ông H thì anh xác định anh không có liên quan đến khoản vay giữa Ngân hàng và ông H vì ông H đã khởi kiện anh bằng một vụ án dân sự khác tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bằng giấy cam kết thỏa thuận trả nợ ngày 20/10/2018.

3.4. Bà Phùng Thị Phương C trình bày: Việc ông H cho con gái bà là chị P vay tiền cụ thể như thế nào thì bà không nắm được, đến khoảng năm 2018 chị P vỡ nợ thì ông H và Ngân hàng có xuống nhà bà làm việc, khi đó chị P bỏ nhà đi nên bà có nhận trả cho Ngân hàng khoảng 5, 6 tháng tiền lãi, số tiền cụ thể đã trả bao nhiêu thì bà không nhớ rõ. Nay Ngân hàng khởi kiện ông H yêu cầu trả số tiền nợ gốc, lãi thì bà xác định bà không có liên quan gì. Đối với số tiền lãi bà đã trả cho Ngân hàng thay cho ông H thì bà cũng không yêu cầu ông H hay Ngân hàng phải thanh toán lại cho bà.

Tòa án đã tiến hành H giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* đối với ông Phùng Trung H.

2. Buộc ông Phùng Trung H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 1.298.507.978đ trong đó số tiền nợ gốc là 1.100.000.000đ, tiền nợ lãi tính đến ngày 23/4/2020 là 198.507.978đ.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 222-3360/TC ngày 16/9/2016 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, Chi nhánh LĐ, Phòng giao dịch QT và ông Phùng Trung H, chị Phùng Thị

Thanh K đối với diện tích đất 400m^2 thuộc thửa đất số 820, tờ bản đồ số 48 tọa lạc tại số R thôn PC xã XT, (nay là xã TH), thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có 01 căn nhà có diện tích xây dựng 83,56m^2, tổng diện tích sử dụng 62,27m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201130515 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/11/2002 cho ông bà Phùng Trung H, Huỳnh Thị H, điều chỉnh tại trang 4 ngày 30/5/2016 sang tên ông Phùng Trung H, bà Phùng Thị Thanh K để đảm bảo cho việc thi hành án. Trường hợp ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nhận chịu 300.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã tạm nộp và quyết toán xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 05/5/2020 ông Phùng Trung H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp P thẩm xem xét buộc vợ chồng chị Võ Thị Hồng P, anh Nguyễn Ngọc Q và bà Phùng Thị Phương C phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 1.100.000.000đ cho Ngân hàng Sacombank, Chi nhánh Lâm Đồng.

Tại phiên hôm nay,

Nguyên đơn Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX buộc vợ chồng chị Võ Thị Hồng P, anh Nguyễn Ngọc Q và bà Phùng Thị Phương C phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 1.100.000.000đ cho Ngân hàng Sacombank, Chi nhánh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị K đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông H, buộc vợ chồng chị Võ Thị Hồng P, anh Nguyễn Ngọc Q và bà Phùng Thị Phương C phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 1.100.000.000đ cho Ngân hàng Sacombank, Chi nhánh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán tại cấp phúc thẩm, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của ông H. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Xuất phát việc giữa Ngân hàng cổ phần S, Chi nhánh LĐ, Phòng giao dịch QT và ông Phùng Trung H có xác lập hợp đồng tín dụng, do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Theo hồ sơ thể hiện thì phía bị đơn ông Phùng Trung H vay số tiền nhằm mục đích kinh doanh cà phê và ông H cũng không có giấy phép kinh doanh nên cần xác định tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Q, chị P, bà Chi nhưng vắng mặt lần thứ 2, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Q, bà P, bà Chi theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phùng Trung H yêu cầu vợ chồng chị Võ Thị Hồng P, anh Nguyễn Ngọc Q và bà Phùng Thị Phương Chi phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 1.100.000.000đ cho Ngân hàng Sacombank, thì thấy rằng:

[2.1] Về Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số LD 1626000233 ngày 16/09/2016, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số LD 1725600125 ngày 13/9/2017 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số LD 1825300186 ngày 10/9/2018 được ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, Chi nhánh LĐ, Phòng giao dịch QT và ông Phùng Trung H các bên đều thừa nhận là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ ngày ký và bên vay là ông Phùng Trung H đã nhận toàn bộ số tiền vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Phùng Trung H vi phạm nghĩa vụ trả nợ (*không trả nợ gốc và lãi*) là 1.298.507.978đ (trong đó tiền gốc là 1.100.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 23/4/2020 là 198.507.978đ, gồm lãi trong hạn là 56.034.728đ và lãi quá hạn là 142.473.250đ). Việc khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông Phùng Trung H trả nợ là phù hợp với pháp luật.

[2.2] Về Hợp đồng thế chấp tài sản: Hai bên thỏa thuận sử dụng tài sản đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng trên thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 222-3360/TC ngày 16/9/2016 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, Chi nhánh LĐ, Phòng giao dịch QT và ông Phùng Trung H, chị Phùng Thị Thanh K đối với diện tích đất 400m^2 thuộc thửa đất số 820, tờ bản đồ số 48 tọa lạc tại số R thôn PC xã XT, (nay là xã TH), thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trên đất có 01 căn nhà có diện tích xây dựng 83,56m^2, tổng diện tích sử dụng 62,27m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201130515 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/11/2002 cho ông bà Phùng Trung H, Huỳnh Thị H, điều chỉnh tại trang 4 ngày 30/5/2016 sang tên ông H, chị K, việc thế chấp này đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Đà Lạt và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Lạt. Ngân hàng đã yêu cầu bên thế chấp giao tài sản để xử lý nhằm thu hồi nợ nhưng bên thế chấp không đồng ý, xét thấy việc thế chấp nói trên phù hợp với các quy định của pháp

luật; việc bảo lãnh của chị Phùng Thị Thanh K đối với số tiền vay của ông H là hoàn toàn tự nguyện, không trái với pháp luật và đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực kể từ ngày ký kết, đăng ký, trong đó có điều khoản; Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi dư nợ của bên thế chấp. Như vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là đúng pháp luật, được chấp nhận; Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu này là đúng.

[2.3] Ông Phùng Trung H yêu cầu vợ chồng chị Võ Thị Hồng P, anh Nguyễn Ngọc Q và bà Phùng Thị Phương Chi phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 1.100.000.000đ cho Ngân hàng Sacombank vì khoản tiền nợ nói trên mặc dù ông là người ký nhận nợ với Ngân hàng nhưng chị P là người sử dụng toàn bộ khoản tiền trên, chị P nhận tiền sau khi ông ký nhận nợ tại Trụ sở của Ngân hàng. Xét thấy yêu cầu của ông H là không có căn cứ bởi lẽ; việc giao kết vay nợ được thực hiện bằng Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng S và ông H. Ngân hàng cũng không đồng ý cho chị P trả nợ thay ông H. Ông H không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông đứng vay giùm và giao số tiền 1.100.000.000đ cho chị Võ Thị Hồng P như lời trình bày của ông. Mặt khác liên quan đến việc vay nợ giữa ông H và chị P, ông H khởi kiện đã được giải quyết tại Bản án số 27/2019/DSST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng do vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phùng Trung H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 23/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

[3] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phùng Trung H, nên ông H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phùng Trung H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* đối với ông Phùng Trung H.

2. Buộc ông Phùng Trung H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 1.298.507.978đ (*Một tỷ hai trăm chín mươi tám triệu năm trăm lẻ bảy nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng*), trong đó (*nợ gốc là 1.100.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 23/4/2020 là 198.507.978đ).*

Trong trường hợp ông Phùng Trung H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, Chi nhánh LĐ, Phòng giao dịch QT có quyền yêu cầu cơ quan chức năng phát mãi tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng diện tích đất 400m^2 thuộc thửa đất số 820, tờ bản đồ số 48 tọa lạc tại số R thôn PC xã XT, (nay là xã TH), thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có 01 căn nhà có diện tích xây dựng 83,56m^2, tổng diện tích sử dụng 62,27m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201130515 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/11/2002 cho ông bà Phùng Trung H, Huỳnh Thị H, điều chỉnh tại trang 4 ngày 30/5/2016 sang tên ông Phùng Trung H, bà Phùng Thị Thanh K để thu hồi nợ.

Kể từ ngày 24/4/2020 cho đến khi trả nợ xong ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông H vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Ông Phùng Trung H phải chịu 50.955.239đ án phí Dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Tổng cộng là 51.255.239đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0017433 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Ông H phải nộp số tiền là 50.955.239đ (*Năm mươi triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi chín đồng)*.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 23.100.000đ (*Hai mươi ba triệu một trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số AA/2016/001262 ngày 27/9/2019 và số AA/2016/0017089 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND thành phố Đà Lạt (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (06);
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Vân